ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2403/QĐ-UBND	*Quy Nhơn, ngày 04 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách tăng, giảm và hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng bảo trợ xã hội tháng 5 năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 08/8/2021 của UBND tỉnh Bình Định ban hành mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố tại Tờ trình số 233/TTr-LĐTBXH ngày 04 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách tăng, giảm và hỗ trợ mai táng phí các đối tượng bảo trợ xã hội (BTXH) tháng 5 năm 2024 trên địa bàn thành phố theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

- Tổng số đối tượng BTXH tháng 4/2024 là 10.276 người.
- Tổng số đối tượng BTXH tháng 5/2024 là 10.298 người, trong đó:

+ Số đối tượng BTXH do tăng mới tháng 5/2024 là 107 người.

+ Số đối tượng BTXH giảm do chết, chuyển đi, điều chỉnh chế độ TCXH... của tháng 5/2024 là 85 người.

- Hỗ trợ kinh phí mai táng BTXH cho **44** đối tượng.

(có danh sách tăng, giảm và danh sách mai táng phí kèm theo).

Điều 2.

- Giao Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố tổng hợp và báo cáo danh sách tăng, giảm các đối tượng bảo trợ xã hội tháng 5/2024 trên địa bàn thành phố.

- Giao các đơn vị dịch vụ chi trả tiếp nhận và phản hồi thông tin về sự thay đổi chế độ trợ cấp xã hội của các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Giao Ủy ban nhân dân các phường, xã cập nhật danh sách đối tượng trợ giúp xã hội hàng tháng; kịp thời làm thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hưởng chế độ cho các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện thụ hưởng;

cắt giảm kịp thời khi đối tượng từ trần, chuyển đi địa phương khác hoặc điều chỉnh mức trợ cấp theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Định, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phương Nam

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND TP;
- Bưu điện thành phố;
- Ngân hàng Vietinbank – CN Phú Tài;
- VP (LĐ+C2);
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐƯỢC HỖ TRỢ KINH PHÍ MAI TÁNG
Tháng 5/2024

Stt	Họ và tên đối tượng	Năm sinh		Loại đối tượng	Phường, xã	Thời gian cắt hưởng	Thời gian từ trần	Chứng tử số	Ngày chứng tử	Họ và tên người tổ chức mai táng	Năm sinh	Số tiền
		Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Trần Thị Mùi		01/03/1936	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	Đống Đa	01/05/2024	08/4/2024	63	09/4/2024	Trần Thị Nhung	1976	7.200.000
2	Lý Thị Quý		04/03/1928	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Bùi Thị Xuân	02/04/2024	28/3/2024	21	28/3/2024	Võ Trí Dũng	1968	7.200.000
3	Võ Liêu	16/05/1929		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Bùi Thị Xuân	01/05/2024	09/4/2024	26	15/4/2024	Võ Ngọc Sương	1974	7.200.000
4	Nguyễn Mộc	01/10/1936		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Bùi Thị Xuân	02/04/2024	30/3/2024	24	05/4/2024	Nguyễn Văn Thịnh	05/5/1984	7.200.000
5	Đỗ Văn Ngữ	16/02/1934		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Trần Quang Diệu	01/04/2024	01/3/2024	24	04/3/2024	Đỗ Nguyên Đính	1979	7.200.000
6	Phạm Thị Mai		25/06/1931	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Nhơn Bình	02/04/2024	27/3/2024	31	27/3/2024	Nguyễn Văn Hiến	1996	7.200.000
7	Huỳnh Thị Xuân		10/04/1934	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Nhơn Bình	02/04/2024	28/3/2024	33	28/3/2024	Phan Thị Tuyết Nga	1961	7.200.000
8	Huỳnh Ngọc Thành	06/02/1936		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Nhơn Phú	01/05/2024	09/4/2024	46	15/4/2024	Huỳnh Tấn Ban	1985	7.200.000
9	Trương Công Minh	08/04/1936		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Nhơn Phú	02/04/2024	18/3/2024	34	18/3/2024	Trương Ngọc Hữu	1981	7.200.000

10	Hồ Phong Tục	26/06/1936		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Nhơn Phú	01/02/2024	12/01/2024	14	22/01/2024	Hồ Quang Dũng	1969	7.200.000
11	Cao Thị Keo		22/02/1932	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Đống Đa	02/04/2024	26/3/2024	67	15/4/2024	Nguyễn Như Thới	1985	7.200.000
12	Hoàng Văn Thuộc	05/02/1935		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Lê Hồng Phong	02/04/2024	24/3/2024	25	08/4/2024	Nguyễn Thị Xuyến	1944	7.200.000
13	Võ Thị Lợi		30/05/1935	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Lê Lợi	01/05/2024	07/4/2024	31	25/4/2024	Mai Thị Loan	1974	7.200.000
14	Phan Thị Thau		15/02/1925	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Hải Cảng	01/05/2024	1/4/2024	34	19/4/2024	Lê Thị Tại	1978	7.200.000
15	Võ Thị Sáu		10/03/1935	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Quang Trung	01/04/2024	26/3/2024	35	28/3/2024	Nguyễn Văn Long	1974	7.200.000
16	Lê Văn Lửa	/10/1936		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Quang Trung	01/05/2024	11/4/2024	39	12/4/2024	Lê Võ Phúc Bình	1964	7.200.000
17	Nguyễn Thị Hường		19/01/1920	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Ghềnh Ráng	01/05/2024	18/4/2024	20	19/4/2024	Đinh Thị Thơm	1976	7.200.000
18	Phan Thị Hận		20/06/1931	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Nhơn Lý	01/04/2024	10/3/2024	17	12/3/2024	Phan Ngọc Chi	1967	7.200.000
19	Nguyễn Thị Khanh		03/01/1935	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Nhơn Lý	01/05/2024	05/4/2024	21	06/4/2024	Nguyễn Minh Tuấn	1974	7.200.000
20	Phạm Trung	03/03/1927		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Phước Mỹ	01/04/2024	17/3/2024	10	12/4/2024	Nguyễn Thị Lan Hương	1970	7.200.000
21	Phạm Thị Trông		04/04/1935	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Phước Mỹ	01/05/2024	11/4/2024	11	19/4/2024	Phan Khả Kỳ	1995	7.200.000
22	Huỳnh Long	01/01/1937		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Nhơn Lý	01/04/2024	24/3/2024	18	25/3/2024	Huỳnh Văn Trọng	1991	7.200.000

23	Trần Văn Lộc	07/03/1937		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Đống Đa	01/04/2024	13/3/2024	45	14/3/2024	Trần Hùng Dũng	1964	7.200.000
24	Huỳnh Văn Đi	04/02/1937		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Nhơn Phú	02/04/2024	03/3/2024	33	18/3/2024	Huỳnh Văn Khánh	1968	7.200.000
25	Võ Thị Huệ		03/05/1955	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	Nhơn Bình	02/04/2024	25/3/2024	35	01/4/2024	Đinh Ngọc Dịp	1978	7.200.000
26	Hồ Thị Lan		06/10/1964	Người khuyết tật nặng	Hải Cảng	02/04/2024	28/3/2024	29	29/3/2024	Phạm Thị Hoa	1943	7.200.000
27	Đoàn Thanh Hùng		07/07/1950	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	Nhơn Phú	02/04/2024	12/10/2023	104	12/10/2023	Đoàn Thanh Tú	1992	7.200.000
28	Phan Văn Tích	01/07/1937		Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	Ngô Mây	01/04/2024	26/3/2024	32	27/3/2024	Phan Thương Quý	1971	7.200.000
29	Nguyễn Hữu Trung	02/09/1976		Người khuyết tật nặng	Nhơn Bình	02/04/2024	28/3/2024	34	29/3/2024	Nguyễn Thị Bê	1968	7.200.000
30	Võ Năm	10/06/1934		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Nhơn Bình	02/04/2024	03/4/2024	37	04/4/2024	Nguyễn Thị Thúy Hường	1992	7.200.000
31	Lê Văn Hương	12/02/1940		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Nhơn Bình	02/04/2024	18/3/2024	30	26/3/2024	Lê Văn Diễn	1963	7.200.000
32	Nguyễn Thị Chút		01/01/1940	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Trần Phú	02/04/2024	29/3/2024	20	25/4/2024	Trần Văn Lâm	1973	7.200.000
33	Tống Thị Đèn		01/01/1941	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Bùi Thị Xuân	02/04/2024	30/3/2024	25	08/4/2024	Tống Văn Cầu	1967	7.200.000
34	Nguyễn Thị Trình		19/09/1942	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Lê Hồng Phong	01/05/2024	20/4/2024	28	23/4/2024	Tôn Nữ Mỹ Vân	1969	7.200.000
35	Trần Thị Chín		05/10/1941	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	Nhơn Phú	02/04/2024	26/3/2024	43	01/4/2024	Lê Bá Đạt	1971	7.200.000
36	Nguyễn Sanh Hồng	15/04/1950		Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	Thị Nại	01/05/2024	11/4/2024	24	16/4/2024	Nguyễn Phú Vinh	1982	7.200.000
37	Võ Ngọc An	04/03/1943		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Nhơn Phú	02/04/2024	15/3/2024	39	20/3/2024	Võ Lê Trung	1974	7.200.000

38	Nguyễn Chơi	18/05/1943		Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng	Trần Phú	01/05/2024	03/4/2024	17	16/4/2024	Nguyễn Văn Nhớ	1978	7.200.000
39	Trần Bông	04/06/1940		Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	Đống Đa	02/04/2024	16/3/2024	48	18/3/2024	Trần Thị Lý Hoàn Giao	1983	7.200.000
40	Võ Thị Quyền		01/01/1962	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	Bùi Thị Xuân	02/04/2024	27/3/2024	20	28/3/2024	Lê Văn Cườm	1959	7.200.000
41	Trần Thị Giáo		28/06/1948	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	Bùi Thị Xuân	02/04/2024	24/03/2024	19	27/3/2024	Nguyễn Kế Quang	1974	7.200.000
42	Huỳnh Thị Lại		20/10/1948	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	Bùi Thị Xuân	01/05/2024	03/4/2024	23	03/4/2024	Trương Tấn Đức	1976	7.200.000
43	Trần Minh	01/12/1965		Người khuyết tật nặng	Nhơn Hải	01/05/2024	16/4/2024	4	24/4/2024	Đỗ Thị Thanh Sương	1966	7.200.000
44	Nguyễn Văn Hải	06/01/1962		Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	Ghềnh Ráng	01/05/2024	11/4/2024	19	17/4/2024	Võ Thị Hải	1967	7.200.000
	Tổng cộng											**547.200.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI TỪ ĐỦ 80 TUỔI TRỞ LÊN ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG
(Đề nghị tăng 5/2024)

STT	Số hồ sơ	Số quyết định	Ngày quyết định	Họ và tên	Năm sinh		Chỗ ở hiện nay		Thời gian tính truy lĩnh		Số tháng được truy lĩnh	Số tiền truy lĩnh	Trợ cấp tháng này	Thực chi tháng này	Ghi chú
					Nam	Nữ			Từ ngày	Đến ngày					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	10256	1880	05/04/2024	Nguyễn Thị Chay		10/03/1944	KV8	phường Đống Đa	01/03/2024	30/04/2024	2	720.000	360.000	1.080.000	
2	10257	1881	05/04/2024	Huỳnh Thị Mâu		17/04/1944	thôn Lý Hòa	xã Nhơn Lý	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
3	10258	1882	05/04/2024	Vĩnh Luận	15/04/1944		KV4	phường Thị Nại	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
4	10259	1883	05/04/2024	Vũ Thị Tiếp		12/12/1932	KV1	phường Lê Lợi	01/03/2024	30/04/2024	2	720.000	360.000	1.080.000	
5	10260	1884	05/04/2024	Lê Thị Long		15/04/1944	KV1	phường Thị Nại	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
6	10261	1885	05/04/2024	Nguyễn Thị Trúc		22/03/1944	KV6	phường Nguyễn Văn Cừ	01/03/2024	30/04/2024	2	720.000	360.000	1.080.000	
7	106	931; 21/02/2024	02/04/2024	Nguyễn Thị Biếu		01/01/1925	KV9A	phường Đống Đa	01/01/2024	30/04/2024	3	1.080.000	360.000	1.440.000	
8	10262	1970	12/04/2024	Nguyễn Văn Xuân	15/03/1944		KV6	phường Đống Đa	01/03/2024	30/04/2024	2	720.000	360.000	1.080.000	
9	10263	1971	12/04/2024	Phan Thị Cảnh		16/04/1944	KV6	phường Đống Đa	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
10	10264	1972	12/04/2024	Trần Thị Tàu		23/04/1944	KV4	phường Lê Lợi	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
11	10265	1973	12/04/2024	Vũ Thị Sáu		30/03/1944	KV6	phường Trần Hưng Đạo	01/03/2024	30/04/2024	2	720.000	360.000	1.080.000	
12	10266	1974	12/04/2024	Nguyễn Thị Ben		10/04/1944	KV3	phường Trần Hưng Đạo	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	CCCM
13	10267	1975	12/04/2024	Nguyễn Văn Lộc	08/04/1944		KV3	phường Trần Phú	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
14	10268	1976	12/04/2024	Ngô Thị Minh Thúy		25/10/1943	KV1	phường Đống Đa	01/10/2023	30/04/2024	7	2.520.000	360.000	2.880.000	
15	10269	1977	12/04/2024	Huỳnh Thị Hồng		01/04/1944	KV4	phường Thị Nại	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
16	10270	2030	17/04/2024	Phan Thị Ngọc Trúc		05/03/1944	KV3	phường Nhơn Phú	01/03/2024	30/04/2024	2	720.000	360.000	1.080.000	
17	10271	2031	17/04/2024	Trần Thị Mười		02/04/1944	thôn Hải Đông	xã Nhơn Hải	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
18	10272	2032	17/04/2024	Nguyễn Thị Tám Miễn		12/04/1944	KV8	phường Trần Hưng Đạo	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	

19	10273	2129	24/04/2024	Võ Thị Như Phượng		02/03/1944	KV2	phường Đống Đa	01/03/2024	30/04/2024	2	720.000	360.000	1.080.000	
20	10274	2130	24/04/2024	Châu Thị Năm		09/04/1944	KV4	phường Ghềnh Ráng	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
21	10275	2131	24/04/2024	Đoàn Văn Hiệp	22/04/1944		KV8	phường Trần Quang Diệu	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
22	10276	2132	24/04/2024	Nguyễn Văn Phùng	03/04/1944		KV4	phường Trần Quang Diệu	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
23	10277	2133	24/04/2024	Lê Thị Dưỡng		03/04/1944	KV4	phường Trần Quang Diệu	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
24	10278	2134	24/04/2024	Nguyễn Văn Sĩ	14/04/1944		KV1	phường Trần Quang Diệu	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
25	10279	2135	24/04/2024	Nguyễn Quyền	13/04/1944		KV3	phường Trần Phú	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
26	10280	2136	24/04/2024	Lê Thị Thanh Tâm		16/04/1944	KV3	phường Nhơn Phú	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
27	10281	2137	24/04/2024	Nguyễn Cọng Hòa	04/04/1944		KV2	phường Lý Thường Kiệt	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
28	10282	2138	24/04/2024	Nguyễn Văn Chấp	15/02/1944		KV3	phường Nhơn Phú	01/02/2024	30/04/2024	3	1.080.000	360.000	1.440.000	
29	10283	2139	24/04/2024	Phạm Ca	02/02/1944		KV1	phường Hải Cảng	01/02/2024	30/04/2024	3	1.080.000	360.000	1.440.000	
30	10284	2140	24/04/2024	Lê Thị Tài		10/04/1943	KV2	phường Hải Cảng	01/04/2023	30/04/2024	13	4.680.000	360.000	5.040.000	
31	10285	2141	24/04/2024	Nguyễn Thị Bốn		03/04/1944	KV5	phường Hải Cảng	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
32	10286	2142	24/04/2024	Nguyễn Thị Sang		16/04/1944	KV11	phường Hải Cảng	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
33	10287	2143	24/04/2024	Võ Tự Cường	25/03/1944		KV2	phường Ngô Mây	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
34	10288	2144	24/04/2024	Nguyễn Thị Chi		20/02/1944	KV2	phường Trần Quang Diệu	01/02/2024	30/04/2024	3	1.080.000	360.000	1.440.000	
35	107	2306	25/04/2024	Ngô Thị Đảng		15/07/1934	KV1	phường Quang Trung				0	360.000	360.000	
36	10289	2285	25/04/2024	Bùi Thị Cúc		01/01/1944	KV6	phường Nhơn Bình	01/01/2024	30/04/2024	4	1.440.000	360.000	1.800.000	
37	10290	2286	25/04/2024	Huỳnh Quynh	22/04/1944		KV9	phường Nhơn Bình	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
38	10291	2287	25/04/2024	Võ Đình Phước	20/04/1944		KV5	phường Nhơn Bình	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
39	10292	2288	25/04/2024	Lưu Thị Sạn		20/04/1944	KV1	phường Nhơn Bình	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
40	10293	2289	25/04/2024	Mai Thị Bảy		03/04/1944	thôn Hội Tân	xã Nhơn Hội	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
41	10294	2290	25/04/2024	Đặng Thị Minh Hiếu		12/04/1944	KV6	phường Nhơn Bình	01/04/2024	30/04/2024	1	360.000	360.000	720.000	
				Tổng cộng								**27.360.000**	**14.760.000**	**42.120.000**	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI TỪ ĐỦ 80 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP
(Đề nghị báo giảm tháng 5/2024)

STT	Số QĐ	Ngày QĐ	Họ và tên	Năm sinh		Chỗ ở hiện nay	Loại đối tượng	Hệ số trợ cấp	Mức trợ cấp	Lý do ghi giảm
				Nam	Nữ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	4749	11/08/2011	Lý Thị Quý		04/03/1928	KV4 phường Bùi Thị Xuân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 28/3/2024
2	6638	14/09/2011	Võ Liêu	16/05/1929		KV8 phường Bùi Thị Xuân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 09/4/2024
3	49	06/01/2016	Nguyễn Thị Nhung	/ /1936		KV8 phường Bùi Thị Xuân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 03/02/2024
4	7471	19/10/2016	Nguyễn Mộc	01/10/1936		KV6 phường Bùi Thị Xuân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 30/3/2024
5	3732	06/08/2010	Huỳnh Thị Hoa		12/03/1925	KV5 phường Trần Quang Diệu	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Điều chỉnh trợ cấp
6	4196	11/08/2011	Nguyễn Thị Quẫn		10/02/1927	KV9 phường Trần Quang Diệu	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 06/4/2024
7	5507	11/08/2011	Phạm Thị Mai		25/06/1931	KV3 phường Nhơn Bình	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 27/3/2024
8	4331	09/07/2014	Huỳnh Thị Xuân		10/04/1934	KV8 phường Nhơn Bình	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 08/3/2024
9	5852	06/08/2014	Ngô Thị Khuê		/ /1920	KV1 phường Nhơn Bình	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 29/3/2024
10	815	17/02/2016	Huỳnh Ngọc Thành	06/02/1936		KV8 phường Nhơn Phú	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 09/4/2024
11	2875	13/05/2016	Trương Công Minh	08/04/1936		KV5 phường Nhơn Phú	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 18/3/2024
12	873	09/03/2012	Cao Thị Keo		22/02/1932	KV7 phường Đống Đa	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 26/3/2024
13	7088	08/10/2014	Võ Ngọc Anh	05/07/1934		KV9 phường Đống Đa	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Điều chỉnh trợ cấp
14	5027	10/08/2016	Nguyễn Thị Sang		/ /1930	KV4 phường Thị Nại	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chuyển đến Tổ DPThạnh Đức 2, phường Phổ Thạnh, TX Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
15	541	06/02/2015	Hoàng Văn Thuộc	05/02/1935		KV5 phường Lê Hồng Phong	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 24/3/2024
16	8586	10/12/2015	Võ Thị Lợi		30/05/1935	KV10 phường Lê Lợi	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 07/4/2024
17	1548	06/04/2010	Phan Thị Thau		15/02/1925	KV7 phường Hải Cảng	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 17/4/2024
18	5071	11/08/2011	Huỳnh Thị Chỉ		/ /1931	KV2 phường Ngô Mây	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 23/4/2024

19	5971	14/08/2014	Ngô Thị Đảng		15/07/1934	KV5 phường Ngô Mây	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chuyển đến KV1, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn
20	3860	02/07/2008	Võ Thị Ngọc		/ /1918	KV1 phường Nguyễn Văn Cừ	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 20/4/2024
21	8145	10/11/2016	Lê Văn Lửa	/10/1936		KV5 phường Quang Trung	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 11/4/2024
22	4154	03/12/2009	Nguyễn Thị Hường		19/01/1920	KV4 phường Ghềnh Ráng	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 18/4/2024
23	10131	08/10/2013	Đinh Lý	13/08/1933		KV2 phường Ghềnh Ráng	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 23/4/2024
24	1545	23/03/2016	Nguyễn Thị Khanh		03/01/1935	Lý Hòa xã Nhơn Lý	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 05/4/2024
25	1467	09/04/2015	Phạm Thị Trông		04/04/1935	Long Thành xã Phước Mỹ	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 11/4/2024
26	931	20/02/2017	Huỳnh Văn Đi	04/02/1937		KV2 phường Nhơn Phú	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 18/3/2024
27	6725	23/07/2018	Nguyễn Thị Bảy		07/07/1938	KV5 phường Quang Trung	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Điều chỉnh trợ cấp
28	1466	20/03/2020	Võ Năm	10/06/1934		KV3 phường Nhơn Bình	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 03/4/2024
29	2094	29/04/2020	Lê Văn Hương	12/02/1940		KV1 phường Nhơn Bình	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 18/3/2024
30	2701	28/05/2020	Nguyễn Thị Chút		01/01/1940	KV2 phường Trần Phú	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	CHết ngày 29/3/2024
31	6528	29/09/2020	Phạm Thị Ái Vân		10/08/1940	KV7 phường Lê Hồng Phong	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Điều chỉnh trợ cấp
32	6981	26/10/2020	Võ Thị Khá		15/10/1940	KV8 phường Nhơn Bình	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Tạm dừng
33	7113	30/10/2020	Nguyễn Văn Chử	30/10/1940		KV9 phường Trần Quang Diệu	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 12/4/2024
34	8859	23/12/2020	Phan Ngọc Châu	20/12/1940		KV5 phường Lê Hồng Phong	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Điều chỉnh trợ cấp
35	364	15/01/2021	Tống Thị Đèn		01/01/1941	KV5 phường Bùi Thị Xuân	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 30/3/2024
36	7073	16/09/2022	Nguyễn Thị Trình		19/09/1942	KV5 phường Lê Hồng Phong	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 20/4/2024
37	8604	21/10/2022	Lý Văn Nay	02/04/1942		KV5 phường Quang Trung	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 05/4/2024
38	1127	10/03/2023	Võ Ngọc An	04/03/1943		KV3 phường Nhơn Phú	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 15/3/2024
39	2782	19/05/2023	Nguyễn Chơi	18/05/1943		KV2 phường Trần Phú	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 03/4/2024
40	1353	15/03/2024	Nguyễn Quốc	01/02/1944		KV9 phường Đống Đa	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	1,00	360.000	Chết ngày 20/3/2024
			Tổng cộng						**14.400.000**	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI
(Đề nghị tăng 4/2024)

STT	Số hồ sơ	Số quyết định	Ngày quyết định	Họ và tên	Năm sinh		Chỗ ở hiện nay		Loại đối tượng	Hệ số trợ cấp	Mức trợ cấp	Số tiền truy lĩnh	Số tiền thực lĩnh	Ghi chú
					Nam	Nữ								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	7850	1798	01/04/2024	Lê Đức Khâm	15/11/1963		KV1	phường Hải Cảng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	1.440.000	2.160.000	
2	7851	1886	05/04/2024	Nguyễn Thị Toán		28/02/1957	KV4A	phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	2.880.000	3.600.000	
3	7852	1887	05/04/2024	Trần Thị Em		14/07/1971	KV2	phường Hải Cảng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	360.000	720.000	Văn Thị Khả Ái (23/10/1997)
4	67	1947	11/04/2024	Đoàn Ngọc Thịnh	16/01/1991		KV9	phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	0	540.000	
5	7853	1978	12/04/2024	Châu Khánh An		02/09/2017	KV4	phường Quang Trung	Người khuyết tật nặng là trẻ em	2,00	720.000	1.440.000	2.160.000	
6	7854	1979	12/04/2024	So Thị Ngọc		22/04/1996	thôn Thanh Long	xã Phước Mỹ	Người thuộc hộ nghèo không chồng hoặc không có vợ đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc từ 16-22 đang học phổ thông, nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học, văn bằng 1	1,00	360.000	360.000	720.000	Nguyễn Xuân Đỏ (31/12/2012)
7	7854	1979	12/04/2024	So Thị Ngọc		22/04/1996	thôn Thanh Long	xã Phước Mỹ	Người thuộc hộ nghèo không chồng hoặc không có vợ đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc từ 16-22 đang học phổ thông, nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học, văn bằng 1	1,00	360.000	360.000	720.000	Nguyễn Thị Ngọc Lan (04/4/2018)
8	7854	1979	12/04/2024	So Thị Ngọc		22/04/1996	thôn Thanh Long	xã Phước Mỹ	Người thuộc hộ nghèo không chồng hoặc không có vợ đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc từ 16-22 đang học phổ thông, nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học, văn bằng 1	1,00	360.000	360.000	720.000	Nguyễn Thị Ngọc Phượng (12/7/2021)
9	3071	1980	12/04/2024	Nguyễn Thị Bảy		07/07/1938	KV5	phường Quang Trung	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	720.000	1.440.000	(Điều chỉnh trợ cấp)
10	3072	1981	12/04/2024	Bùi Nhật Duy	17/04/2008		KV1	phường Trần Phú	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	0	540.000	(Điều chỉnh trợ cấp)
11	3073	2033	17/04/2024	Phan Thị Ngọc		01/01/1962	KV4	phường Quang Trung	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	5.040.000	5.940.000	(Điều chỉnh trợ cấp)
12	3074	2034	17/04/2024	Nguyễn Lê Tuấn Dũng	07/04/2008		KV3	phường Nguyễn Văn Cừ	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	0	540.000	(Điều chỉnh trợ cấp)
13	7855	2162	25/04/2024	Phạm Thị Thanh Lan		18/10/1973	KV5	phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	

14	7856	2163	25/04/2024	Bùi Thịnh Hưng		24/08/1972	KV1	phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
15	7857	2164	25/04/2024	Nguyễn Hữu Phước	08/02/1948		KV8	phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
16	7858	2165	25/04/2024	Đoàn Xuân Phú	10/06/1959		KV9	phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
17	7859	2166	25/04/2024	Hoàng Cẩm Bình	05/04/1997		KV1	phường Lê Lợi	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
18	7860	2167	25/04/2024	Trần Thị Siêng		20/12/1966	KV4	phường Ghềnh Ráng	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
19	7861	2168	25/04/2024	Trần Lâm Uyển Nhi		12/11/2017	KV8	phường Lê Lợi	Người khuyết tật nặng là trẻ em	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
20	7862	2169	25/04/2024	Nguyễn Rô	01/11/1967		KV2	phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
21	7863	2170	25/04/2024	Nguyễn Văn Mười	09/09/1962		KV1	phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
22	7864	2171	25/04/2024	Huỳnh Thị Cúc		10/01/1947	KV2	phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
23	7865	2172	25/04/2024	Đoàn Bảo Ngân	17/12/2011		KV6	phường Lê Hồng Phong	Người khuyết tật nặng là trẻ em	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
24	7866	2173	25/04/2024	Đinh Văn Lý	12/07/1965		KV9	phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
25	7867	2174	25/04/2024	Đào Thị Dàn		12/08/1985	KV1	phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
26	7868	2175	25/04/2024	Nguyễn Văn Thọ	02/02/1964		KV4	phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
27	7869	2176	25/04/2024	Đinh Thị Thanh Trang		13/03/1981	KV9	phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
28	7870	2177	25/04/2024	Phan Văn Khích	18/06/1962		KV1	phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
29	7871	2178	25/04/2024	Lưu Văn Phước	06/10/1966		KV6	phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
30	7872	2179	25/04/2024	Văn Thị Hồng Diễm		10/10/1974	KV9	phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
31	7873	2180	25/04/2024	Lê Thị Thu Hoa		10/05/1969	KV9	phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
32	7874	2181	25/04/2024	Tạ Công Thảo	02/02/1983		KV12	phường Ngô Mây	Người thuộc cận hộ nghèo không chồng hoặc không có vợ đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc từ 16-22 đang học phổ thông, nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học, văn bằng 1	1,00	360.000	360.000	720.000	
33	7874	2181	25/04/2024	Tạ Công Thảo	02/02/1983		KV12	phường Ngô Mây	Người thuộc cận hộ nghèo không chồng hoặc không có vợ đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc từ 16-22 đang học phổ thông, nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học, văn bằng 1	1,00	360.000	360.000	720.000	
34	7874	2181	25/04/2024	Tạ Công Thảo	02/02/1983		KV12	phường Ngô Mây	Người thuộc cận hộ nghèo không chồng hoặc không có vợ đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc từ 16-22 đang học phổ thông, nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học, văn bằng 1	1,00	360.000	360.000	720.000	

35	7875	2182	25/04/2024	Đặng Hữu Thiên	11/07/1964		KV3	phường Trần Phú	Người khuyết tật đặc biệt nặng	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
36	7876	2183	25/04/2024	Trần Thị Bảy		18/04/1947	KV1	phường Trần Phú	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	900.000	1.800.000	
37	7877	2184	25/04/2024	Nguyễn Thị Nguyên		01/05/1975	KV2	phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
38	7878	2185	25/04/2024	Trần Thị Thu		31/01/1966	KV5	phường Đống Đa	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	360.000	720.000	
39	7879	2186	25/04/2024	Huỳnh Ngọc Á	06/02/1947		KV8	phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
40	7880	2187	25/04/2024	Phạm Ngọc Thi	07/09/1987		KV4A	phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
41	7881	2188	25/04/2024	Võ Thị Tâm		20/06/1952	KV11	phường Hải Cảng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
42	7882	2189	25/04/2024	Lê Văn Thành	07/06/1981		KV8	phường Hải Cảng	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
43	7883	2190	25/04/2024	Võ Ngọc Sinh	01/01/1972		KV2	phường Hải Cảng	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
44	7884	2191	25/04/2024	Đặng Thị Vạn Thảo		12/12/1985	KV10	phường Hải Cảng	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
45	7885	2192	25/04/2024	Trần Ngọc Hà Nhi		26/11/2023	KV9	phường Hải Cảng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	2,50	900.000	900.000	1.800.000	
46	7886	2193	25/04/2024	Nguyễn Văn Tâm	06/10/1985		KV7	phường Ngô Mây	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
47	7887	2194	25/04/2024	Phạm Hồng Phong	18/05/1972		KV2	phường Ngô Mây	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	1.080.000	1.620.000	
48	3075	2276	25/04/2024	Võ Ngọc Anh	05/07/1934		KV9A	phường Đống Đa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	2.160.000	3.060.000	(Điều chỉnh trợ cấp)
49	3076	2277	25/04/2024	Lê Thái Hồng	15/06/1955		KV4	phường Đống Đa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	180.000	1.080.000	(Điều chỉnh trợ cấp)
50	3077	2278	25/04/2024	Bùi Văn Nữ	26/11/1992		KV3	phường Ghềnh Ráng	Người khuyết tật đặc biệt nặng	2,00	720.000	180.000	900.000	(Điều chỉnh trợ cấp)
51	3078	2279	25/04/2024	Phan Ngọc Châu	20/12/1940		KV5	phường Lê Hồng Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	360.000	1.080.000	(Điều chỉnh trợ cấp)
52	3079	2280	25/04/2024	Phạm Thị Ái Vân		10/08/1940	KV7	phường Lê Hồng Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	360.000	1.080.000	(Điều chỉnh trợ cấp)
53	3080	2281	25/04/2024	Vũ Thị Kim Anh		01/01/1955	KV3	phường Lê Hồng Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	0	720.000	(Điều chỉnh trợ cấp)
54	3081	2282	25/04/2024	Đinh Thị Sáng		21/01/1953	KV4	phường Lê Hồng Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	0	720.000	(Điều chỉnh trợ cấp)
55	3082	2283	25/04/2024	Huỳnh Thị Hoa		12/03/1925	KV8	phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	360.000	1.080.000	(Điều chỉnh trợ cấp)
56	3083	2284	25/04/2024	Phan Kim Văn	16/02/1959		KV1	phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	180.000	1.080.000	(Điều chỉnh trợ cấp)
57	68	2305	25/04/2024	Nguyễn Văn Hạnh	17/11/1972		KV3	phường Đống Đa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	2,00	720.000	0	720.000	

58	69	2306	25/04/2024	Phạm Thị Lạc		28/11/1970	KV3	phường Đống Đa	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	0	360.000	Nguyễn Văn Hạnh (17/11/1972)
59	7888	2291	25/04/2024	Nguyễn Thị Thu Liễu		04/04/1960	KV1	phường Nhơn Bình	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	360.000	720.000	Từ Xuân Thạnh (29/4/1960)
60	7889	2292	25/04/2024	Võ Thị Lan		01/11/1967	KV1	phường Nhơn Bình	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	360.000	720.000	Nguyễn Thị Bích Hà (13/4/1968)
61	7890	2293	25/04/2024	Nguyễn Hữu Tài	15/10/1973		KV2	phường Nhơn Bình	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	360.000	720.000	Nguyễn Thị Liên (09/4/1972)
62	7891	2294	25/04/2024	Ung Thị Trà		10/06/1971	KV9	phường Nhơn Bình	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	540.000	1.080.000	
63	7892	2295	25/04/2024	Trần Đang	23/03/1957		thôn Lý Hòa	xã Nhơn Lý	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
64	7893	2296	25/04/2024	Nguyễn Trường Thi	23/12/1988		thôn Lý Chánh	xã Nhơn Lý	Người khuyết tật đặc biệt nặng	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
65	7894	2297	25/04/2024	Trình Tú Uyên		28/12/2020	thôn Lý Hưng	xã Nhơn Lý	Người khuyết tật nặng là trẻ em	2,00	720.000	720.000	1.440.000	
66	7849	1676	28/03/2024	Phạm Thị Lý		19/07/1951	KV7	phường Bùi Thị Xuân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	720.000	1.620.000	
				Tổng cộng							**40.500.000**	**42.660.000**	**83.160.000**	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI THƯỜNG XUYÊN
(Đề nghị báo giảm tháng 5/2024)

STT	Số QĐ	Ngày QĐ	Họ và tên	Năm sinh		Chỗ ở hiện nay	Loại đối tượng	Hệ số trợ cấp	Mức trợ cấp	Lý do ghi giảm
				Nam	Nữ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	2108	15/04/2015	Đinh Thị Kim Tư		02/04/1962	KV2 phường Quang Trung	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	Không còn ở địa phương, chuyển thường trú đến Tổ 57, phường Hòa Quý, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng
2	9814	26/09/2013	Nguyễn Thị Hòa		10/10/1949	KV2 phường Nhơn Bình	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Chết ngày 11/12/2023
3	3793	15/06/2016	Trần Thị Mùi		01/03/1936	KV10 phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Chết ngày 08/4/2024
4	2107	15/04/2015	Nguyễn Thị Hồng Hà		18/10/1983	KV2 phường Quang Trung	Người khuyết tật đặc biệt nặng	2,00	720.000	Chuyển đến thôn Phong Lục Đông Nam, xã Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
5	10932	06/11/2013	Bùi Văn Nữ	26/11/1992		KV3 phường Ghềnh Ráng	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	Điều chỉnh trợ cấp
6	8672	10/12/2015	Bùi Nhật Duy	17/04/2008		KV1 phường Trần Phú	Người khuyết tật nặng là trẻ em	2,00	720.000	Điều chỉnh trợ cấp
7	2494	17/04/2017	Mai Thị Hoàng Oanh		30/04/2001	KV9 phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	Chuyển đến thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
8	2810	24/04/2017	Võ Thị Huệ		03/05/1955	KV1 phường Nhơn Bình	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Chết ngày 25/2/2024
9	6295	25/08/2017	Đoàn Ngọc Thịnh	16/01/1991		KV8 phường Lê Lợi	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	Chuyển đến Tổ 46, KP9, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn
10	1684	26/03/2018	Hồ Thị Lan		06/10/1964	KV2 phường Hải Cảng	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	Chết ngày 28/3/2024
11	5719	19/08/2021	Đoàn Thanh Hùng		07/07/1950	KV8 phường Nhơn Phú	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Chết ngày 12/10/2023
12	921	22/02/2019	Trương Mộng Linh	18/09/1953		KV5 phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Chết ngày 12/4/2024
13	1126	26/02/2019	Phan Kim Văn	16/02/1959		KV1 phường Trần Quang Diệu	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Điều chỉnh trợ cấp
14	5477	23/08/2019	Phan Văn Hòa	01/02/1966		KV1 phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	Chết ngày 30/02/2024
15	5498	23/08/2019	Nguyễn Hữu Trung	02/09/1976		KV1 phường Nhơn Bình	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	Chết ngày 28/3/2024
16	5590	26/08/2019	Phan Thị Ngọc		/ /1962	KV4 phường Quang Trung	Người khuyết tật đặc biệt nặng	2,00	720.000	Điều chỉnh trợ cấp
17	4480	21/07/2020	Đinh Thị Sáng		21/01/1953	KV4 phường Lê Hồng Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	Điều chỉnh trợ cấp

18	4926	22/07/2020	Võ Hồng Linh	13/08/1951		KV4 phường Lê Hồng Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	Hết nuôi dưỡng bà Đinh Thị Sáng
19	3789	31/05/2021	Nguyễn Văn Hạnh	17/11/1972		KV6 phường Ngô Mây	Người khuyết tật đặc biệt nặng	2,00	720.000	CHuyển đến KV3, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn
20	4527	29/06/2021	Phạm Thị Lạc		28/11/1970	KV6 phường Ngô Mây	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	Chuyển đến KP6, phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn
21	2613	28/04/2022	Lê Thái Hồng	15/06/1955		KV4 phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Điều chỉnh trợ cấp
22	3290	25/05/2022	Nguyễn Thành Thân	20/05/1955		KV3 phường Đống Đa	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Chết ngày 28/3/2024
23	4499	14/07/2022	Lã Đình Hoàng	24/02/1960		KV5 phường Trần Hưng Đạo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	Chết ngày 17/4/2024
24	4500	14/07/2022	Dương Thị Cậy		25/11/1962	KV5 phường Trần Hưng Đạo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	Ông Lã Đình Hoàng là NCTĐBn đã chết T4/2024
25	6743	26/08/2022	Võ Thị Thanh Tú		05/05/1942	KV1 phường Nhơn Bình	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Chết ngày 15/4/2024
26	7178	21/09/2022	Vũ Thị Kim Anh		01/01/1955	KV3 phường Lê Hồng Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	Điều chỉnh trợ cấp
27	8347	07/10/2022	Trần Thị Chín		05/10/1941	KV8 phường Nhơn Phú	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	Chết ngày 01/4/2024
28	9704	15/11/2022	Lê Văn Hiền	20/02/1939		KV8 phường Nhơn Phú	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	Bà Trần Thị Chin là NCTĐBN đã chết T03/2024
29	10621	22/12/2022	Nguyễn Thị Thanh		23/12/1948	KV3 phường Quang Trung	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Chết ngày 24/4/2024
30	622	16/02/2023	Nguyễn Sanh Hồng	15/04/1950		KV1 phường Thị Nại	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Chết ngày 11/4/2024
31	2648	15/05/2023	Nguyễn Lê Tuấn Dũng	07/04/2008		KV3 phường Nguyễn Văn Cừ	Người khuyết tật nặng là trẻ em	2,00	720.000	Điều chỉnh trợ cấp
32	2801	19/05/2023	Trần Bông	04/06/1940		KV6 phường Đống Đa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	Chết ngày 16/3/2024
33	5707	22/06/2023	Võ Thị Quyền		01/01/1962	KV5 phường Bùi Thị Xuân	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Chết ngày 27/3/2024
34	5709	22/06/2023	Trần Thị Giáo		28/06/1948	KV4 phường Bùi Thị Xuân	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Chết ngày 24/03/2024
35	5712	22/06/2023	Huỳnh Thị Lại		20/10/1948	KV3 phường Bùi Thị Xuân	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	Chết ngày 03/4/2024
36	5869	26/06/2023	Trần Thị Lý Hoàn Giao		17/03/1983	KV6 phường Đống Đa	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	Bà Trần Bông là NCTĐBN đã chết T4/2024
37	5870	26/06/2023	Vũ Thị Kim Phượng		05/05/1967	KV3 phường Lê Hồng Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	Hết nuôi dưỡng bà Vũ Thị Kim Anh
38	6953	31/07/2023	Trương Tấn Đức	05/02/1976		KV3 phường Bùi Thị Xuân	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	Bà Huỳnh Thị Lại là NCTĐBN đã chết tháng 4/2024
39	9334	18/10/2023	Trần Minh	01/12/1965		thôn Hải Đông xã Nhơn Hải	Người khuyết tật nặng	1,50	540.000	Chết ngày 16/4/2024
40	10118	17/11/2023	Lê Lâm	30/09/1933		KV8 phường Nhơn Phú	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Chết ngày 21/4/2024
41	11216	26/12/2023	Nguyễn Văn Hải	06/01/1962		KV4 phường	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi		720.000	Chết ngày 12/4/2024

						Ghềnh Ráng		2,00		
42	666	24/01/2024	Nguyễn Thị Đào Dung		15/01/1948	thôn Mỹ Lợi xã Phước Mỹ	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	Chết ngày 17/4/2024
43	1572	26/03/2024	Tô Thị Trúc		05/07/1972	thôn Mỹ Lợi xã Phước Mỹ	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	1,00	360.000	Bà Nguyễn T Đào Dung là NCTĐBN đã chết T4/2024
44	1600	26/03/2024	Võ Lễ	10/03/1950		thôn Long Thành xã Phước Mỹ	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,50	900.000	Chết ngày 17/4/2024
45	1676	28/03/2024	Phạm Thị Lý		19/07/1951	KV7 phường Bùi Thị Xuân	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2,00	720.000	Điều chỉnh trợ cấp
			Tổng cộng						**29.340.000**	